TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 8 năm 2019
"*V/v tranh chấp xin ly hôn và chia tài sản chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN NHÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Bé Nhi**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lại Thiện Phong**

2. Ông **Lưu Quốc Khánh**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông **Phan Trung Hiếu** – Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 146/2019/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "xin ly hôn và chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Oanh K**, sinh năm 2000

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Trương Văn X**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Trịnh Thị A**, sinh năm 1953

Địa chỉ: Ấp N, xã N1, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Oanh K trình bày:

+ *Về hôn nhân*: Vào ngày 29/11/2018 âm lịch (nhằm ngày 04/01/2019) chị và anh

Trương Văn X có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1 vào ngày 09/01/2019. Sau khi cưới vợ chồng chị chung sống không hạnh phúc, không hòa hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến cải vả với nhau nên cả hai đã ly thân với nhau hơn 01 tháng. Xét thấy mâu thuẩn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên chị K xin được ly hôn với anh Trương Văn X.

+ *Về con chung*: không có và chị K không yêu cầu giải quyết.

+ *Về tài sản chung*: Chị và anh X có chung 10 chỉ vàng 24k, số vàng này hiện mẹ chồng là bà Trịnh Thị A đang giữ nên chị K yêu cầu chia đôi số vàng trên. Còn 09 chỉ vàng 24k chị K đang quản lý tài sản riêng của chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Chị K xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị K không có yêu cầu gì khác.

Tại các lời khai và tại phiên tòa bị đơn anh Trương Văn X trình bày:

+ *Về hôn nhân*: Anh X thống nhất với lời trình bày của chị Phạm Oanh K về thời gian vợ chồng tổ chức đám cưới, thời gian vợ chồng đi đăng ký kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian vợ chồng ly thân. Nay chị K xin được ly hôn với anh thì anh X cũng đồng ý ly hôn với chị K.

+ *Về con chung*: Anh X xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

+ *Về tài sản chung*: Ngày cưới cha mẹ và bà con bên anh có cho vợ chồng anh tổng cộng là 19 chỉ vàng 24k, tất cả tài sản này hiện chị K đang quản lý, anh X yêu cầu chia đôi theo quy định của pháp luật.

+ *Về nợ chung*: Anh X xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh X không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại các lời khai và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị A trình bày: Bà là mẹ ruột của anh X và là mẹ chồng của chị K. Ngày đám bà có cho vợ chồng anh X, chị K 14 chỉ và 24k, bà con thân tộc cho thêm 05 chỉ vàng 24k, tổng cộng là 19 chỉ vàng 24k. Bà xác định không có việc chị K gửi 10 chỉ vàng 24k cho bà và bà cũng không có giữ 10 chỉ vàng 24k nào của vợ chồng anh X, chị K. Do đó bà không đồng ý với yêu cầu của chị K. Ngoài ra bà A không có ý kiến gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay các đương sự, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Oanh K và anh Trương Văn X.

+ Về con chung: Chị K anh anh X đều xác định không có con và không có yêu cầu

giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung: Mỗi người được hưởng 9,5 chỉ vàng 24k. Do chị K đang quản lý 9,5 chỉ vàng 24k nên chị tiếp tục giữ và được hưởng, buộc chị K giao trả lại anh X 9,5 chỉ vàng 24k.

Ngoài ra các đương sự còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn chị Phạm Oanh K khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Trương Văn X và anh X có yêu cầu phản tố chia tài sản chung với chị K. Đây là tranh chấp xin ly hôn và chia tài sản chung đồng thời bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã N1, huyện H nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

- *Về nội dung vụ án:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị K và anh X xác lập hôn nhân trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1 vào ngày 09/01/2019 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị K và anh X có xảy ra mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, không hòa hợp nên vợ chồng đã ly thân hơn khoảng 01tháng nay. Trong khoảng thời gian ly thân cả chị K và anh X đều không có biện pháp khắc phục tình trạng trầm trọng trong quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, cuộc sống chung giữa anh chị không tồn tại và qua các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa cả chị K và anh X đều mong muốn được ly hôn với nhau. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Oanh K và anh Trương Văn X.

[3] Về quan hệ con chung: Chị K và anh X xác định không có do đó Hội đồng xét xử xét không xem xét, giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị K và anh X đều thống nhất thừa nhận ngày đám hỏi cha mẹ chồng và bà con bên chồng có cho vợ chồng anh chị tổng cộng là 19 chỉ vàng 24k. Đây là tình tiết, sự kiện được các bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phía chị Phạm Oanh K xác định trong 19 chỉ vàng 24k nêu trên, hiện tại mẹ chồng của chị là bà Trịnh Thị A đang giữ 10 chỉ vàng 24k, còn lại 09 chỉ chị đang giữ và không đồng ý chia với anh X vì đây là số vàng chị có được do chị đi chào hỏi mà có riêng. Việc chị K trình bày gửi 10 chỉ vàng 24k cho bà A không có ai chứng kiến, để

chứng minh cho việc trình bày của mình chị K có đưa ra 02 người làm chứng là ông Huỳnh Văn S và bà Phạm Thị N đến Tòa án để làm chứng. Tuy nhuên tại biên bản lấy lời khai ông S xác định vào ngày 16/4/2019 ông có đến nhà ông T (cha của chị K) thì ông có nghe bà A kể lại là chị K có gửi bà A 10 chỉ vàng 24k, còn việc gửi như thế nào thì ông không có trực tiếp chứng kiến, còn bà N thì không nghe nói việc bà A có giữ 10 chỉ vàng 24k của chị K. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị K trình bày nhưng bà A không thừa nhận, ông S và bà N không ai trực tiếp chứng kiến sự việc và chị K thì không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào theo yêu cầu của Tòa án nên không có cơ sở xem xét, giải quyết vấn đề chị K yêu cầu bà A trả lại cho vợ chồng chị 10 chỉ vàng 24k. Từ đó xác định toàn bộ tài sản 19 chỉ vàng 24k hiện nay chị K đang quản lý.

Xét đơn phản tố của anh X ngày 17/6/2019, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc anh X yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tổng tài sản chung của vợ chồng là 19 chỉ vàng 24k mà chị K là người đang quản lý là có căn cứ. Bởi lẽ, toàn bộ số vàng 19 chỉ vàng 24k có được là do anh X và chị K tổ chức đám cưới với nhau. Theo phong tục tập quán ở địa phương trong ngày đám hỏi (lễ đính hôn) bên đàn trai và thân tộc bên đàn trai qua nhà đàn gái để tặng cho vàng, tiền cho con dâu, tượng trưng cho sự chúc phúc. Tại biên bản xác minh ngày 29/7/2019 đối với ông Trịnh Đại N, Trương Thị Cẩm T, Lâm Văn K, Trương Văn M, Trương Thị T, Trương Văn M, Lương Thị H, Trịnh Thị D, Lê Thị Đ và lời trình bày của bà Trịnh Thị A đều xác định: việc các ông bà, anh, chị cho vàng trong ngày đám hỏi của chị K anh X là cho chung vợ chồng anh X chị K không phải cho riêng chị K nên tổng 19 chỉ vàng 24k là tài sản chung của chị K và anh X và tài sản nêu trên hiện nay là do chị K là người đang quản lý toàn bộ nên việc anh X yêu cầu chị K chia đôi số vàng này là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì về nguyên tắc tài sản chung sẽ được chia đôi và do đây là tài sản được tặng cho chung không phải do tạo lập, lao động của ai mà có nên Hội đồng xét xử cần chia đôi số vàng 19 chỉ 24k, mỗi người được hưởng 9,5 chỉ vàng 24k. Do chị K đang quản lý toàn bộ số vàng trên nên chị K được hưởng 9,5 chỉ vàng 24k, buộc chị K phải giao trả lại cho anh Trương Văn X 9,5 chỉ vàng 24k.

Ngoài ra quá trình làm việc và tại phiên tòa anh X tự nguyện tặng cho K 02 chỉ vàng 18k và chiếc điện thoại di động hiệu ViVo. Đây là sự tự nguyện của anh X và các bên đều thống nhất không tranh chấp đến nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị K và anh X xác định quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc chị K phải chịu 300.000 đồng và được đối trừ vào số tiền mà chị đã dự nộp.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch buộc chị K, anh X mỗi người phải nộp 5% trên 9,5 chỉ vàng 24k mình được hưởng (mỗi chỉ vàng có giá là 4.160.000 đồng). Anh X đã dự nộp án phí phản tố nên được đối trừ.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 229, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Oanh K và anh Trương Văn X.

2. Về con chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh Trương Văn X.

Chia cho chị Phạm Oanh K 9,5 chỉ vàng 24k. Do chị K đang quản lý số vàng trên nên chị K được tiếp tục được giữ và hưởng 9,5 chỉ vàng 24k.

Chia cho anh Trương Văn X 9,5 chỉ vàng 24k. Buộc chị Phạm Oanh K giao trả cho anh Trương Văn X 9,5 chỉ vàng 24k (loại vàng 98%). .

4/. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Phạm Oanh K phải nộp số tiền là 300.000 đồng. Ghi nhận chị K đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002611 ngày 11/6/2019 sẽ được chuyển thu án phí toàn bộ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc chị Phạm Oanh K phải nộp số tiền là 1.976.000 đồng tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Buộc anh Trương Văn X phải nộp số tiền là 1.976.000 đồng. Ghi nhận anh X đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 876.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002629 ngày 17/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân nay được chuyển thu án phí 876.000 đồng. Anh Trương Văn X phải nộp thêm số tiền là 1.100.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự;*

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai. Các Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lâm Bé Nhi

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bạc Liêu;*
- *VKSND huyện Hồng Dân;*
- *CC.THADS huyện Hồng Dân;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa.*